

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN IA GRAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/DS-ST

Ngày: 28-8-2017

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Đính;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;

2. Ông Nguyễn Như Quang;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên;

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 1, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Đăng P; Địa chỉ nơi cư trú: Đội 19, làng Núi 2, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 16-02-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ngày 08-8-2014, ông Nguyễn Ngọc T cho ông Phạm Đăng P vay số tiền 828.464.000 đồng (Tám trăm hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, ông P hẹn đến ngày 30-12-2014 sẽ trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Đến thời hạn trả nợ nhưng ông P vẫn không trả tiền cho ông T như đã thỏa thuận. Do vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả số tiền gốc 828.464.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa ông T yêu cầu đối với số tiền lãi trong hạn là 13,5%/ năm, đối với số tiền nợ quá hạn

là 9%/năm, tổng cộng tiền lãi đến thời điểm xét xử là 242.739.952 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn chín trăm năm mươi hai đồng)

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Giấy nhận tiền đề ngày 08-8-2014.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 28-02-2017; Giấy biên nhận tiền ngày 19-4-2017; 02 Chứng từ giao dịch ngày 24-5-2017; 02 Giấy nộp tiền ngày 23-5-2017; Hợp đồng thông báo nhấn tin số 99NT/17/HĐTT-CNHCM ngày 25-5-2017; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 25-5-2017; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 28-5-2017; Báo nhân dân số 22513 ngày 26-5-2017; số 22514 ngày 27-5-2017 và số 22515 ngày 28-5-2017;

2. Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Phạm Đăng P đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông P cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Phạm Đăng P.

3. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn Phạm Đăng P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Các bên xác lập hợp đồng vay tiền vào ngày 08-8-2014 và thời hạn trả nợ là ngày 30-12-2014 nên nội dung được áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2005. Vụ án thụ lý ngày 28-02-2017 nên pháp luật áp dụng để giải quyết là Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hiệu khởi kiện, ngày 31-1-/2016 là hết thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng vay nhưng đến ngày 16-02-2017 nguyên đơn mới khởi kiện, tuy nhiên vì các đương sự không ai có yêu cầu về áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn Phạm Đăng P đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[2] Về số tiền vay: Chứng cứ mà ông Nguyễn Ngọc T cung cấp là “Giấy nhận tiền đề ngày 08-8-2014” thể hiện, ngày 08-8-2014, ông Phạm Đăng P có vay của ông Nguyễn Ngọc T số tiền gốc là 828.464.000 đồng (Tám trăm hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), thời hạn trả nợ là ngày 30-12-2014. Nhưng đến thời hạn trả nợ ông P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông T. Do vậy, ông T yêu cầu ông P phải trả số tiền nợ gốc là 828.464.000 đồng (Tám trăm hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về số tiền lãi: Chứng cứ mà ông Nguyễn Ngọc T cung cấp là “Giấy nhận tiền đề ngày 08-8-2014” thể hiện, lãi 1,5% nhưng không thể hiện rõ đây là lãi tính theo thời gian nào. Tại phiên tòa, ông T khẳng định lãi suất này hai bên thỏa thuận tính theo tháng, ông P không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên không có ý kiến và thời hạn trả nợ là 04 tháng 22 ngày nên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giải thích về lãi suất các bên tính theo tháng là có căn cứ. Các bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên chỉ được tính lại là 1,125%/tháng. Như vậy tiền lãi trong hạn được tính từ ngày 08-8-2014 đến ngày 30-12-2014 là 04 tháng 22 ngày là  $\{(828.464.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} \times 1,125\%/\text{tháng}) + \{(828.464.000 \text{ đồng} \times 22 \text{ ngày} \times 0,0375\%/\text{ngày})\} = 44.115.708$  đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm mười lăm nghìn bảy trăm không tám đồng); Tiền lãi quá hạn từ ngày 31-12-2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm 07 tháng 29 ngày là  $\{(828.464.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm} \times 9\%/\text{năm}) + (828.464.000 \text{ đồng} \times 07 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng}) + \{(828.464.000 \text{ đồng} \times 29 \text{ ngày} \times 0,025\%/\text{ngày})\} = 198.624.224$  đồng (Một trăm chín mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng). Tổng cộng tiền lãi là 242.739.952 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn chín trăm năm mươi hai đồng).

[4] Về số tiền phải trả: Tổng số tiền mà ông Phạm Đăng P phải trả cho ông Nguyễn Ngọc T đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.071.203.952 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi một triệu hai trăm không ba nghìn chín trăm năm mươi hai đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 828.464.000 đồng (Tám trăm hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 44.115.708 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm mười lăm nghìn bảy trăm không tám đồng), tiền lãi quá hạn là 198.624.224 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

[5] Đối với toàn bộ số tiền lệ phí thông báo thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.144.000 đồng (Năm triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), nguyên đơn là người có nghĩa vụ thông báo nên phải chịu chi phí (Nguyên đơn đã nộp đủ).

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 474, Điều 476 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T.

Buộc ông Phạm Đăng P phải trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (Ngày 28-8-2017) là 1.071.203.952 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi một triệu hai trăm không ba nghìn chín trăm năm mươi hai đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 828.464.000 đồng (Tám trăm hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là 44.115.708 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm mười lăm nghìn bảy trăm không tám đồng), tiền lãi quá hạn là 198.624.224 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc ông Phạm Đăng P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 44.136.118 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi sáu nghìn một trăm mười tám đồng); Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.901.900 đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm linh một nghìn chín trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000249 ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Lưu HSVA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Lê Văn Đính**